| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: **06/2020/HNGĐ-ST**<br>Ngày 06/03/2020<br>"V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" | |

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thế Anh.

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Văn Nghi và ông Phạm Tuấn Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 240/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988, ĐKHKTT: xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 1, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- **Bị đơn**: Anh Phạm Văn K, sinh năm 1984; ĐKHKTT và trú tại: xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình ( Vắng mặt lần 2 không có lý do)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Nguyên đơn Chị Vũ Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày như sau:** Chị và anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã V, huyện K, là quê của chị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 11, xã L; vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K chơi bời, nghiện ngập, không tu chí làm ăn, không quan tâm, không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã nhiều lần khuyên giải, tha thứ để vợ chồng hòa thuận, cùng nuôi dạy con cái, nhưng anh K không thay đổi. Vì không thể chịu đựng được nên từ năm 2016, chị

đã về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 1, xã V sinh sống, ly thân với anh K, không ai quan tâm đến ai. Nay chị  xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không khắc phục được, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K giải quyết cho chị được ly hôn với anh K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Công D, sinh ngày 06/9/2008 và Phạm Thị Mai T, sinh ngày 11/12/2009. Hiện cháu D đang ở với anh K, cháu T ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 2 con chung và không yêu cầu anh K đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc phải đi làm ăn xa, không thể tham gia phiên tòa nên chị H có đơn xin xét xử vắng mặt chị.

**Bị đơn Anh Phạm Văn K trong biên bản lấy lời khai trình bày:** Anh xác nhận điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh K cho rằng do trước đây anh có hành vi vi phạm pháp luật, phải chấp hành án phạt tù, chị H ở nhà tự ý bỏ đi. Sau khi anh chấp hành án xong có khuyên chị H quay về chung sống nhưng không có kết quả. Vì vậy, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Trong thời gian sống ly thân, chị H ở đâu, làm gì anh không quan tâm. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không quan tâm. Anh xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, chị H có muốn quay về với anh, anh cũng không chấp nhận. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng chỉ có 02 con chung là Phạm Công D, sinh ngày 06/9/2008 và Phạm Thị Mai T, sinh ngày 11/12/2009. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, để chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau. Anh xác định chị H không thể một mình nuôi cả hai con được.

Về tài sản: Anh xác định vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung chưa thành niên của anh chị là cháu Phạm Công D và Phạm Thị Mai T khi được hỏi ý kiến thì cháu D có nguyện vọng được ở với anh K, cháu T có nguyện vọng ở với chị H

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng  Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14;

+ Xử ly hôn giữa Chị Vũ Thị H và Anh Phạm Văn K; giao anh K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng là Phạm Công D, sinh

ngày 06/9/2008; Giao chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Phạm Thị Mai T, sinh ngày 11/12/2009; hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau; chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vũ Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với Anh Phạm Văn K, hiện cư trú tại xóm 11, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K.

Chị Vũ Thị H do bận công việc nên có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Phạm Văn K mặc dù đã có mặt tại địa phương, được Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thì thấy rằng:chị Vũ Thị H và Anh Phạm Văn K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn năm 2007 tại UBND xã V, huyện K; là hôn nhân tự nguyện hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận tại xóm 11, xã L; sau đó mới phát sinh mâu thuẫn.

[3] Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H trình bày là do anh K nghiện ngập, chơi bời, không quan tâm, chăm sóc vợ con, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh K vẫn không thay đổi nên chị H mới bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 1, xã V, ly thân với anh K từ năm 2016 đến nay, trong suốt quá trình sống ly thân chị và anh K không còn quan tâm đến nhau. Về phía anh K thừa nhận bản thân có chơi bời, có hành vi vi phạm pháp luật, phải chấp hành án phạt tù. Nhưng do chị H tự ý bỏ đi, anh khuyên giải quay về nhưng không có kết quả nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, chị H ở đâu, anh không quan tâm

[4] Xác minh tình trạng hôn nhân của anh K và chị H tại UBND xã L là nơi anh chị chung sống trước đây thì chính quyền địa phương cung cấp thời gian chung sống tại địa phương vợ chồng anh K và chị H xảy ra mâu thuẫn mà nguyên nhân do anh K chơi bời, nghiện ngập. Do vậy chị H hiện nay không còn chung sống cùng với anh K nữa.

[5] Về phía anh K, anh không có quan điểm cụ thể đối với việc chị H yêu cầu ly hôn với anh, anh không quan tâm, anh cho rằng chị H muốn làm gì thì làm; không có bất cứ giải pháp nào để khắc phục mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ.

[6] Cả hai bên đương sự đều xác định giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên không còn chung sống cùng nhau từ khoảng năm 2017 cho đến nay và không còn

quan tâm gì đến nhau nữa. Căn cứ vào chứng cứ và phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh K là do anh K chơi bời, nghiện ngập; mặc dù đã được chị H tìm mọi cách khắc phục nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân nhau; anh K không quan tâm đến việc chị H yêu cầu ly hôn anh. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và khẳng định chị H có muốn về sống cùng anh, anh cũng không chấp nhận

[7] Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của anh chị hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh K là có căn cứ được chấp nhận.

[8] Về quan hệ con chung : Chị Vũ Thị H và Anh Phạm Văn K đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Công D, sinh ngày 06/9/2008 và Phạm Thị Mai T, sinh ngày 11/12/2009. Các con chung khi được hỏi ý kiến thì cháu D có nguyện vọng được ở với anh K; cháu T có nguyện vọng được ở với chị H

Thực tế, khi chị H và anh K không chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay, con chung của vợ chồng là cháu D ở với anh K, cháu T ở với chị H. Để đảm bảo cuộc sống ổn định sinh hoạt, học tập và tôn trọng nguyện vọng của các con chung thì việc giao cháu D cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con cho nhau theo đề xuất của anh K là phù hợp, được chấp nhận

[9] Về quan hệ tài sản: Chị H và anh K đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó về vấn đề này Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

**1/** Xử ly hôn giữa Chị Vũ Thị H và Anh Phạm Văn K.

**2/** Về con chung: Giao anh Phạm Văn K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng là Phạm Công D, sinh ngày 06/9/2008 đến khi thành niên. Giao chị Vũ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của vợ chồng Phạm Thị Mai T, sinh ngày 11/12/2009 đến khi thành niên. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

**3/** Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA3197 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(Đã ký)***

**Phạm Thế Anh**